

**CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ ĐẠI NGHĨA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ ĐẠI NGHĨA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAI NGHIA INTERNATIONAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400908488

**3. Ngày thành lập:** 02/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Lô 08 Đường Nguyễn Thị Lưu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0911011568

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                            | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                              | 1313        |
| 2.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                              | 1391        |
| 3.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                               | 1392        |
| 4.  | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                             | 1393        |
| 5.  | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                    | 1394        |
| 6.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                               | 1399        |
| 7.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>Chi tiết: May, gia công trang phục | 1410(Chính) |
| 8.  | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                     | 1420        |
| 9.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                 | 1430        |
| 10. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                       | 1512        |
| 11. | Sản xuất giày, dép                                                                   | 1520        |
| 12. | In ấn                                                                                | 1811        |
| 13. | Dịch vụ liên quan đến in                                                             | 1812        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                     | 2219        |
| 15. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                         | 2220        |
| 16. | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công linh kiện điện tử         | 2610        |
| 17. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                            | 2620        |
| 18. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                       | 2630        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                   | 2640        |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ đấu giá)                                  | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                        | 4641 |
| 22. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                          | 4649 |
| 23. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                         | 4651 |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                          | 4652 |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;                                                                  | 4659 |
| 26. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại          | 4669 |
| 27. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4751 |
| 28. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                 | 4753 |
| 29. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                     | 4759 |
| 30. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4771 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                              | 4933 |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                 | 5210 |
| 33. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                            | 5224 |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                              | 7730 |
| 35. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                            | 8292 |
| 36. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh, sản xuất và phục vụ sản xuất (trừ hàng hóa nhà nước cấm). | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN NGHĨA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122092089

Ngày cấp: 18/03/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Trại Phúc Mãn, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Trại Phúc Mãn, Xã Xuân Hương, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang